

Bản án số: **95/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 22/9/2021  
V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Phụng*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Tân*

**2. Ông Phạm Quang Nghĩa.**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý.**

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **188/2021/TLST-HNGĐ** ngày 31 tháng 03 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **111/2021/QĐXXST-HNGĐ** ngày 02 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời thời gian hoãn phiên tòa số **141/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 19 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời thời gian hoãn phiên tòa (Lần 2) số: **171/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 06 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Chị Đào Thị X**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

**\* Bị đơn: Anh Thổ M**, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: 117/4, tổ 3, ấp BH, xã XP, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đào Thị X trình bày:**

Chị và anh Thổ M tự nguyện chung sống với nhau năm 1997, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã XP, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Đến năm 2010 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do

anh M thiếu sự quan tâm gia đình, thường xuyên ăn nhậu về nhà kiểng chuyện chửi bới đánh đập chị vô cớ, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nên rất ít ở nhà. Kéo dài đến tháng 06/ 2020 vợ chồng ly thân và chị X có yêu cầu ly hôn với anh M.

Vợ chồng chung sống có 04 con chung là các cháu Thị N, sinh năm 1998, cháu Thổ U, sinh năm 1999( Đã mất), cháu Thổ H, sinh năm 2000 và cháu Thị P, sinh ngày 01/02/2005. Các cháu N và H đã trưởng thành, riêng cháu P chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Thổ M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai chị Thị N con anh M, chị X ngày 29/4/2021 chị thừa nhận mâu thuẫn cha mẹ chị đúng như mẹ chị đã khai, cha chị có biết việc mẹ chị đưa đơn xin ly hôn ra Tòa án nhưng ba chị không đồng ý đến Tòa làm việc mặc dù các giấy triệu tập của Tòa án chị có ký nhận giao lại cho ba. Hiện cha mẹ không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

1/ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

-Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Đào Thị X khởi kiện tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: “ ***Ly hôn, tranh chấp nuôi con***”

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp BH, xã XP, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Chị X có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh M, xác định chị X là nguyên đơn, anh M là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định.

3/ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

4/ Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị Đào Thị X và anh Thổ M chung sống với nhau và đăng ký kết hôn từ năm 2008 theo quy định pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ.

Chị X cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, anh M đánh đập vợ con và thiếu sự quan tâm đến gia đình. Tình cảm ngày một rạn nứt kéo dài đến tháng 06/2020 vợ chồng ly thân cho đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm với anh M nên chị X có yêu cầu được ly hôn. Anh M đã triệu tập nhiều lần nhưng cố tình không đến làm việc, cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Theo lời khai của các con thì anh M thường xuyên bỏ nhà đi, nhậu nhẹt đánh đập chị X, anh biết việc ly hôn nhưng không đến làm việc.

Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị X được ly hôn với anh M là phù hợp tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Về con chung: Anh chị 04 con chung là các cháu Thị N, sinh năm 1998, cháu Thổ U, sinh năm 1999( Đã mất), cháu Thổ H, sinh năm 2000 và cháu Thị P, sinh ngày 01/02/2005. Các cháu N và H đã trưởng thành, riêng cháu P chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện cháu đang được chị X nuôi dưỡng, nghĩ nên giao cháu cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp, chị X không yêu cầu anh M đóng góp phí tổn nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh M.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị X, chị X được ly hôn với anh Thổ M.

Về con chung: giao cháu Thị P, sinh ngày 01/02/2005 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh M.

Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

5/ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** chị Đào Thị X có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị X là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Thổ M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** chị Đào Thị X khởi kiện xin ly hôn với anh Thổ M, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[3] Về nội dung vụ án:** Chị Đào Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh Thổ M. Xét yêu cầu khởi kiện của chị X Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Đào Thị X và anh Thổ M tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau từ năm 1997 đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã XP, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Đến năm 2020 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh M thiếu sự quan tâm gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt kiếm chuyện đánh đập chị X, thường xuyên vắng nhà và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm ngày một lạnh nhạt. Kéo dài đến đầu tháng 06/2020 vợ chồng ly thân chị X có yêu cầu ly hôn anh M.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị X và anh M tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận cho chị Đào Thị X được ly hôn với anh Thổ M là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

**[4] Về con chung:** Giao cháu Thị P, sinh ngày 01/02/2005 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hiện chị X không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

**[5] Về tài sản chung:** chị X không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

**[6] Về nợ chung:** không có.

**[7] Về án phí:** áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị Đào Thị X phải nộp 300.000đ ( Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

**[8] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát:** là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**Vì các lẽ trên,**

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điểm b, Khoản 2, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị X đối với anh Thổ M về việc **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**. Cho chị Đào Thị X được ly hôn với anh Thổ M.

**2. Về con chung:** Giao cháu Thị P, sinh ngày 01/02/2005 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hiện chị X không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Thổ M được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị Đào Thị X và anh Thổ M được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung:** không yêu cầu tòa án giải quyết.

**4. Về nợ chung:** không có.

**5. Về án phí:** chị Đào Thị X phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Xuân đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0004864 ngày 19/3/2021 được tính trừ vào án phí.

Chị Đào Thị X, anh Thổ M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã XP;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Kim Phụng**